

**UBND HUYỆN LỆ THỦY
PHÒNG TÀI CHÍNH - KH**

Số: 156/TCKH-NS

V/v công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lệ Thủy, ngày 05 tháng 7 năm 2017

Kính gửi: Văn phòng HĐND&UBND huyện.

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch đề nghị Văn phòng HĐND&UBND huyện công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2017 của huyện trên Trang thông tin điện tử của UBND huyện theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính .

Đề nghị Văn phòng HĐND&UBND huyện phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Đình Hòa

NỘI DUNG CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017 HUYỆN LỆ THỦY

(Kèm theo Công văn số 156 /TCKH-NS ngày 05 /7/2017 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lệ Thủy)

1. Thu ngân sách

Dự toán thu ngân sách năm 2017 đã được HĐND huyện thông qua tăng 45% so với dự toán năm 2016, cao nhất từ trước tới nay. Để đảm bảo hoàn thành dự toán thu ngân sách năm 2017, với tinh thần phấn đấu, nỗ lực và quyết tâm cao, ngay từ đầu năm UBND huyện đã triển khai quyết liệt các giải pháp để tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

Kết quả 6 tháng đầu năm 2017, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không tính khoản thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh) đạt: 95.954 triệu đồng, đạt 69,35% so với kế hoạch giao, bằng 145,95% so với cùng kỳ. Trong đó, các khoản thu trong cân đối không kể nguồn thu cấp quyền sử dụng đất ngân sách địa phương được hưởng 30.360 triệu đồng, đạt 55,8% so với kế hoạch giao, bằng 100,1% so với cùng kỳ.

Cụ thể:

- Thuế ngoài quốc doanh: 12.040 triệu đồng, đạt 35,94% so với KH giao, bằng 69,3% so với cùng kỳ, gồm:

Thuế giá trị gia tăng: 10.169 triệu đồng, đạt 33,9% so với KH giao

Thuế thu nhập doanh nghiệp: 690 triệu đồng, đạt 34,5% so với KH giao

Thuế tiêu thụ đặc biệt: 43 triệu đồng, đạt 215% so với KH giao

Thuế tài nguyên: 913 triệu đồng, đạt 228,2% so với KH giao

Thu khác về thuế NQD: 225 triệu đồng, đạt 20,8% so với KH giao

- Lệ phí trước bạ: 6.585 triệu đồng, đạt 44,8% so với KH giao.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thực hiện 6 tháng: 28 triệu đồng, đạt 46,7% so với KH giao.

- Tiền thuê đất: 6.251 triệu đồng, đạt 347,28% so với KH giao.

- Thu cấp quyền sử dụng đất: 37.817 triệu đồng, đạt 65,2% so với KH giao.

- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 4.596 triệu đồng, đạt 919,2% so với KH giao.

- Thu phí, lệ phí: 8.111 triệu đồng, đạt 231,74% so với KH giao.

- Thuế thu nhập cá nhân: 1.787 triệu đồng, đạt 51,06% so với KH giao.

- Thu khác ngân sách: 2.321 triệu đồng, đạt 29,76% so với KH giao (trong đó thu phạt an toàn giao thông 709 triệu đồng, đạt 47,27% so với KH giao)

- Thu học phí: 1.845 triệu đồng, đạt 65,89% so với KH giao.

- Thu đóng góp: 13.808 triệu đồng, đạt 123,29% so với KH giao.

- Phí và thu khác không cân đối: 765 triệu đồng, đạt 76,5% so với KH giao.

Tổng thu NSĐP 6 tháng đầu năm 2017 (bao gồm thu từ ngân sách tỉnh): 495.054 triệu đồng

(Chi tiết thu ngân sách 6 tháng đầu năm có phụ lục số 02 kèm theo)

* Thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2017 đạt được kết quả trên thể hiện sự cố gắng, nỗ lực của các cấp, các ngành, đơn vị, các xã, thị trấn đã xác định được tầm quan trọng của công tác thu ngân sách nên đã tập trung chỉ đạo triển khai giao dự toán thu sớm, chi tiết đến từng chỉ tiêu, thường xuyên nắm bắt tình hình để đôn đốc thu nộp, chống thất thu thuế, trốn lậu thuế, khai thác mọi nguồn thu để nộp vào ngân sách theo quy định, trong đó một số khoản thu đã đạt và vượt kế hoạch đề ra như thu tiền thuê đất, phí, lệ phí, thu đóng góp,...

Đến ngày 30/6/2017 đã có 9 xã đạt và vượt so với KH giao, gồm: Xã Ngân Thủy (2.713%), Tân Thủy (436,8%), Ngư Thủy Trung (445,2%), Ngư Thủy Bắc (380,1%), An Thủy (344,1%), Sen Thủy (263,1%), Lộc Thủy (143%), Sơn Thủy (117,2%), Liên Thủy (108,7%).

* Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số tồn tại trong công tác thu ngân sách như sau:

- Một số xã, thị trấn thực hiện dự toán thu ngân sách trong 6 tháng đầu năm đạt tỷ lệ thấp so với KH giao như: Xã Lâm Thủy (0,1%), Phong Thủy (6,6%), Cam Thủy (7,2%), Hưng Thủy (13,4%), Hoa Thủy (13,8%), Phú Thủy (19,5%), Xuân Thủy (24,1%)

- Một số khoản thu trong cân đối còn đạt thấp như thu thuế ngoài quốc doanh, thu khác... Trong đó: Do nguồn thu thuế ngoài quốc doanh từ các đơn vị hoạt động vắng lai trên địa bàn không ổn định, dẫn đến khoản thu này 6 tháng đầu năm còn đạt thấp so với cùng kỳ.

- Tỷ lệ điều tiết một số khoản thu chưa hợp lý như thuế GTGT, tiền cấp quyền sử dụng đất gây khó khăn trong công tác chỉ đạo thu ngân sách của huyện.

- Một số xã, thị trấn, đơn vị chưa tích cực triển khai công tác đấu giá cấp quyền sử dụng đất, công tác GPMB, trích đo, quy hoạch phân lô, định giá đất chưa kịp thời dẫn đến khoản thu này chưa có số thu, chưa đạt kế hoạch đã được HĐND huyện giao đầu năm.

2. Chi ngân sách

Năm 2017 là năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, theo đó các định mức cơ bản đều tăng so với giai trước. Việc điều hành chi ngân sách huyện và ngân sách các xã, thị trấn 6 tháng đầu năm 2017 đã thực hiện theo hướng triệt để tiết kiệm, trong khả năng cân đối nguồn thu của địa phương và bám sát dự toán HĐND huyện giao đầu năm, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2017.

Tổng chi NS địa phương thực hiện 6 tháng (không bao gồm chi chuyển giao cho ngân sách cấp xã): 357.287 triệu đồng, đạt 52% so với dự toán giao. Trong đó, chi ngân sách cấp huyện: 281.723 triệu đồng; chi ngân sách cấp xã: 75.564 triệu đồng.

Một số nhiệm vụ chi chủ yếu như sau:

2.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Thực hiện 6 tháng đầu năm: 65.430 triệu đồng/KH 80.830 triệu đồng, đạt 80,9% so với KH giao. Trong đó: ngân sách huyện 54.414 triệu đồng, đạt 119,6% KH giao; ngân sách xã, thị trấn 11.016 triệu đồng, đạt 31,2% so với KH giao.

Đối với ngân sách cấp huyện, chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt cao so với kế hoạch giao là do chi từ các nguồn không có trong kế hoạch vốn giao đầu năm như: các nguồn vốn sự nghiệp; kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu để thực hiện các công trình, dự án theo các Quyết định của UBND tỉnh; chi từ nguồn chuyển nguồn XDCB năm 2016 sang năm 2017,...

Ngân sách cấp xã, dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017 từ nguồn thu đấu giá cấp quyền sử dụng đất theo phân cấp được hưởng 35.330 triệu đồng. Tuy nhiên, hiện nay nguồn thu từ đấu giá cấp quyền sử dụng đất của một số xã, thị trấn chưa đạt kế hoạch giao nên chi đầu tư của các xã, thị trấn còn thấp so với kế hoạch giao.

2.2. Chi thường xuyên: Thực hiện 6 tháng đầu năm: 270.619 triệu đồng, đạt 46,6% so với KH giao. Cụ thể:

- Chi sự nghiệp kinh tế: 12.496 triệu đồng, đạt 31,1% so với KH giao. Khoản chi này đạt kế hoạch thấp so với dự toán giao do phần kinh phí thực hiện cấp bù thủy lợi phí UBND huyện đã giao từ đầu năm cho các xã, thị trấn với số tiền 17.446 triệu đồng, tuy nhiên đến nay mới chỉ có 12/25 xã thực hiện giải ngân nguồn vốn này, các xã, thị trấn còn lại chưa thực hiện; kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa dự toán giao đầu năm 9.764 triệu đồng, trong 6 tháng đầu năm UBND huyện đã bố trí hỗ trợ các xã, thị trấn đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình phục vụ phát triển đất trồng lúa nên nguồn kinh phí này đã được hạch toán vào chi đầu tư.

Chính sách hỗ trợ nông lâm nghiệp, thủy sản: dự toán đầu năm 2.500 triệu đồng, đến nay đã giải ngân được 1.121 triệu đồng, đạt 44,8% dự toán giao.

Chính sách hỗ trợ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: (dự toán cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng 800 triệu đồng). Khoản chi này chưa thực hiện do Hội đồng thẩm định hỗ trợ cho các đơn vị, cá nhân theo chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn đang thẩm định và trình UBND huyện phê duyệt. Dự kiến khoản kinh phí này sẽ giải ngân trong quý III năm 2017.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề: 135.471 triệu đồng, đạt 45,0% so với KH giao.

Các chế độ phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp, trợ cấp cho giáo viên vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; chế độ cấp bù học phí cho các trường, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi theo Quyết định số 239/QĐ-TTg và Quyết định số 60/QĐ-TTg, hỗ trợ học sinh bán trú theo Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg... đã được thực hiện kịp thời, đúng chế độ quy định.

- Chi sự nghiệp y tế: 19.993 triệu đồng, đạt 36,6% so với KH giao. Các chế độ bảo hiểm y tế của các đối tượng bảo trợ xã hội được đảm bảo kịp thời, tạo điều

kiện thuận lợi cho đối tượng trong công tác khám chữa bệnh. Khoản chi này đạt tỷ lệ thấp là do từ tháng 02/2017, các trạm y tế xã, thị trấn được bàn giao cho Trung tâm y tế huyện thuộc ngân sách tỉnh quản lý nên khoản chi này chuyển trả cho tỉnh thực hiện từ tháng 3/2017.

- Chi dân số và KHHGD: 522 triệu đồng, đạt 64,4% so với KH giao. Từ 01/6/2017, trung tâm Dân số KHHGD được giao tăng biên chế là cán bộ phụ trách dân số KHHGD tại các xã, thị trấn, UBND huyện đã kịp thời bố trí kinh phí đảm bảo chế độ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp cho các đối tượng theo quy định.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể thao: 1.939 triệu đồng, đạt 41,8% so với KH giao. UBND huyện đã bố trí kinh phí đảm bảo kịp thời để tổ chức Đại hội TDTT huyện lần thứ 8 và tham gia Đại hội TDTT cấp tỉnh.

- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: 707 triệu đồng, đạt 64,4% so với KH giao.

- Chi đảm bảo xã hội: 27.023 triệu đồng, đạt 67,4% so với KH giao. Các chính sách an sinh xã hội, thực hiện Luật Người cao tuổi, chi trả trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/NĐ-CP của Chính phủ, chi trả hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo theo Quyết định số 2409/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; chi trả trợ cấp cho cán bộ xã nghỉ việc... được đảm bảo kịp thời, đúng chế độ quy định.

- Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể: 65.163 triệu đồng, đạt 52,9% KH giao. Các chế độ, chính sách về tiền lương, các khoản phụ cấp như phụ cấp công vụ, các chế độ phụ cấp công tác đảng, đoàn thể, phụ cấp thâm niên nghề, chính sách thu hút nhân tài và sử dụng con em Quảng Bình tốt nghiệp đại học, đề án 500... đã được thực hiện kịp thời cho cán bộ, công chức theo chế độ quy định.

- Chi an ninh: 1.189 triệu đồng, đạt 61,7% so với KH giao.

- Chi quốc phòng: 3.359 triệu đồng, đạt 48,4% so với KH giao.

- Chi sự nghiệp môi trường: 1.837 triệu đồng, đạt 52,9% so với KH giao. Các chế độ, chính sách về tiền lương, các khoản phụ cấp đã được thực hiện kịp thời cho cán bộ, công chức theo chế độ quy định.

- Chi khác ngân sách: 902 triệu đồng, đạt 38,6% so với KH giao.

2.3. Chi dự phòng ngân sách huyện: Dự phòng ngân sách cấp huyện năm 2017 đến 30/6/2017 đã phân bổ 3.744,95 triệu đồng, đạt 40,8%. Nguồn kinh phí dự phòng ngân sách chủ yếu để đảm bảo an sinh xã hội, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo quốc phòng, an ninh trật tự, khắc phục sửa chữa một số công trình quan trọng trên địa bàn và một số hoạt động đột xuất cần thiết chưa được bố trí trong dự toán

2.4. Các khoản chi quản lý qua NSNN: 16.193 triệu đồng, đạt 108,0% so với KH giao, trong đó kinh phí từ nguồn thu học phí 1.845 triệu đồng; chi từ nguồn thu đóng góp: 13.583 triệu đồng, phí và thu khác không cân đối 765 đồng.

2.5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã, thị trấn: 61.778 triệu đồng. Khoản chi bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu cho khối xã, thị trấn được giao theo dự

toán đầu năm, các đơn vị thực hiện rút vốn bằng dự toán tại KBNN theo chế độ quy định.

6 tháng đầu năm 2017, UBND huyện đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện kịp thời các khoản chi thiết yếu như lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, chi đảm bảo an sinh xã hội, quản lý chặt chẽ chi đầu tư; bố trí kinh phí phục vụ công tác bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển; đến nay đã cơ bản hoàn thành công tác chi trả kinh phí bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển trên địa bàn với tỷ lệ chi trả đạt 99,3% so với kinh phí được phê duyệt.

* Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý chi ngân sách trên địa bàn vẫn còn một số khó khăn, tồn tại cần tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện đó là:

- Công tác quản lý chi ngân sách của một số đơn vị chưa chặt chẽ, chưa bám vào dự toán kinh phí được giao dẫn đến chi sai nguồn; một số khoản kinh phí giải ngân còn chậm.

- Đối với nguồn kinh phí bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển: một số đối tượng còn vướng mắc chưa nhận tiền theo quyết định phê duyệt của UBND huyện.

(Chi tiết chi ngân sách 6 tháng đầu năm có phụ lục số 03 kèm theo)

Phụ lục số 01

(Kèm theo Công văn số 156 /TCKH-NS ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lệ Thủy)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2017	Thực hiện 6 tháng đầu 2017	So sánh (%)
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	701.913	495.054	70,53
I	Thu cân đối ngân sách	138.360	95.954	69,4
	- Thu nội địa	138.360	95.954	69,4
	- Thu viện trợ	0	0	
II	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang		51.556	
III	Thu từ ngân sách tỉnh	563.553	347.544	61,7
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	687.733	357.287	51,95
I	Tổng chi cân đối NS ĐP	687.733	357.287	51,95
1	Chi đầu tư phát triển	80.830	65.430	80,95
2	Chi thường xuyên.	580.395	270.619	46,63
3	Chi từ nguồn thu để lại	15.000	16.193	
4	Dự phòng	11.508	5.045	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh			

Ghi chú: Số chi có mục tiêu từ ngân sách tỉnh đã chuyển vào các nhiệm vụ chi

Phụ lục số 02

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH HUYỆN LÊ THỦY 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

(Kèm theo Công văn số 156 /TCKH-NS ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lê Thủy)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch huyện giao năm 2017					Thực hiện đến 30/6/2017					Số sách TH:DT				
	Tổng số	Trong đó			Chia ra NS cấp Xã	Tổng số	Trong đó			Chia ra NS cấp Xã	TS	Trong đó			
		NS tỉnh, trung ương	NS huyện	NS cấp Huyện			NS tỉnh, trung ương	NS huyện	NS cấp Huyện			NST	NSH	H	X
	701.913	14.180	687.733	530.951	156.783	495.054	13.741	481.313	374.532	106.781	70.53	96.90	69.99	70.54	68.11
I. Thu ngân sách NN trên địa bàn	138.360	14.180	124.180	79.038	45.142	95.954	13.741	82.213	51.647	30.566	69.35	96.90	66.20	65.34	67.71
Số thu trong cân đối không kế CQSDĐ	63.560	1.300	62.260	57.148	5.112	35.468	5.108	30.360	24.744	5.616	55.80		48.76	43.30	109,86
A. Tổng thu cân đối	123.360	14.180	109.180	68.738	40.442	79.536	13.741	65.795	40.374	25.421	64.47	96.90	60.26	58,74	62,86
1. Thuế CTN và DV NQĐ	33.500	-	33.500	33.300	200	12.040	174	11.866	11.482	384	35,94		35,42	34,48	192,00
+ GTGT	30.000		30.000	30.000		10.169		10.169	10.159	10	33,90		33,90	33,86	
+ TNDN	2.000		2.000	2.000		690		690	690		34,50		34,50	34,50	
+ Tiền thu DB	20		20	20		43		43	43		215,00		215,00	215,00	
+ Tài nguyên	400		400	200	200	913		913	539	374	228,25		228,25	269,50	
+ Thu khác	1.080		1.080	1.080		225	174	51	51		20,83		4,72	4,72	
2. Lệ phí trước bạ	14.700	-	14.700	14.210	490	6.585	-	6.585	6.328	257	44,80		44,80	44,53	52,45
3. Thuế SD ĐNN															
4. Thuế SD đất phi Nông nghiệp	60		60	48	12	28		28	8	20	46,67		46,67	16,70	165,15
5. Thu tiền thuế đất	1.800	1.080	720	720		6.251	3.702	2.549	2.452	97	347,28	342,78	354,03	340,56	
6. Thu tiền sử dụng đất	58.000	11.800	46.200	10.870	35.330	37.817	4.931	32.886	13.178	19.708	65,20	41,79	71,18	121,23	55,78
7. Thu cấp quyền khai thác	500	250	250	-	250	4.596	2.846	1.750	733	1.017	919,20	#####	700,00	406,80	
8. Thu phí và lệ phí	3.500	-	3.500	2.840	660	8.111	854	7.257	4.163	3.094	231,74		207,34	146,58	468,79
+ Phi tài nguyên	1.500		1.500	1.150	350	4.347	790	3.557	1.383	2.174					
+ Các loại phí khác	2.000		2.000	1.690	310	3.764	64	3.700	2.780	920					
- Tại huyện	1.690		1.690	1.690		2.844	64	2.780	2.780		168,28		164,50	164,50	
- Tại xã	310		310	310		920		920	920						

Chi tiêu	Kế hoạch huyện giao năm 2017						Thực hiện đến 30/6/2017						Số sách TH/DI				
	Tổng số	NS			Chia ra			Tổng số	NS			Chia ra			Trong đó		
		NS tỉnh, trung ương	NS huyện	NS cấp Huyện	NS cấp Huyện	NS cấp Xã	NS tỉnh, trung ương		NS huyện	NS cấp Huyện	NS cấp Xã	NS	TS	NSH	H	X	
9. Thuê thu nhập cá nhân	3.500	3.500	3.500	3.500	-	-	1.787	5	1.782	1.779	3	51,06	50,91	50,83			
10. Thu khác	7.800	1.050	6.750	3.250	3.500	3.500	2.321	1.229	1.092	251	841	29,76	16,18	24,03			
Tương đối - Tại xã, thị trấn	1.537		1.537		1.537		233		233		233	15,16	15,16	15,16			
- Hoa lợi công san	1.963		1.963		1.963		608		608		608	30,97	30,97	30,97			
- Tại huyện	4.300	1.050	3.250	3.250	-	-	1.480	1.229	251	251	-	34,42	7,72				
+ Các khoản thu khác	2.800		2.800	2.800			771	520	251	251		27,54	8,96				
+ Thu an toàn giao thông	1.500	1.050	450	450			709	709	-	-		47,27	-				
B. Các khoản thu quản lý qua NS	15.000	-	15.000	10.300	4.700	4.700	16.418	-	16.418	11.273	5.145	109,45	109,45	109,45	109,47		
1. Học phí	2.800	2.800	2.800	2.800			1.845		1.845	1.845		65,89	65,89	65,89			
3. Đóng góp	11.200	11.200	7.500	7.500	3.700	3.700	13.808		13.808	9.428	4.380	123,29	123,29	125,71	118,38		
4. Phí và thu khác không cân đối	1.000	1.000			1.000	1.000	765		765		765	76,50	76,50		76,50		
II. Thu kết dư ngân sách																	
III. Thu chuyển nguồn																	
IV. Thu bổ sung từ NS cấp trên	563.553	-	563.553	451.913	111.640	111.640	347.544	-	347.544	285.766	61.778	61,67	61,67	63,23	55,34		
1. Bổ sung cân đối	558.553		558.553	450.083	108.470	108.470	338.505		338.505	279.277	59.228	60,60	60,60	62,05	54,60		
2. Bổ sung có mục tiêu	5.000		5.000	1.830	3.170	3.170	9.039		9.039	6.489	2.550	180,78	180,78	354,59	80,44		
1. Bổ sung cân đối	558.553		558.553	450.083	108.470	108.470	571.943		571.943	487.797	84.146	102	102	108	78		
2. Bổ sung có mục tiêu	5.000		5.000	1.830	3.170	3.170	73.287		73.287	68.882	4.405	1.466	1.466	3.764	139		

Phụ lục số 03

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

(Kèm theo Công văn số 456 /TCKH-NS ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Lệ Thủy)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Trong đó		Thực hiện đến 30/6/2017	Trong đó		So sánh TH/DT	Trong đó	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		NSH	NSX
	TỔNG CỘNG	687.733	530.950	156.782	357.287	281.723	75.564	52,0	53,1	48,2
A	CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH	672.733	520.650	152.082	341.094	270.675	70.419	50,7	52,0	46,3
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	80.830	45.500	35.330	65.430	54.414	11.016	80,9	119,6	31,2
	Trong đó: Chi cho GD - ĐT	11.913	9.809	2.104	34.472	30.324	4.148	289,4	309,1	197,1
II	Chi thường xuyên	580.395	465.982	114.413	270.619	212.516	58.103	46,6	45,6	50,8
1	Chi sự nghiệp kinh tế	40.204	22.738	17.466	12.496	3.665	8.831	31,1	16,1	50,6
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	301.073	301.073		135.471	135.471		45,0	45,0	
3	Chi sự nghiệp y tế	54.644	54.644		20.011	19.993	18	36,6	36,6	
4	Chi Dân số và kế hoạch hóa gia đình	813	813		522	522		64,2	64,2	
4	Chi sự nghiệp VH-TT - TDTT	4.643	3.445	1.198	1.939	1.439	500	41,8	41,8	41,7
5	Chi sự nghiệp phát thanh	1.098	1.098		707	707		64,4	64,4	
6	Chi đảm bảo XH	40.065	32.162	7.903	27.023	24.319	2.704	67,4	75,6	34,2
7	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	123.182	40.815	82.367	65.163	20.431	44.732	52,9	50,1	54,3
8	Chi an ninh	1.926	1.020	906	1.189	809	380	61,7	79,3	41,9
9	Chi quốc phòng	6.940	2.367	4.573	3.359	2.421	938	48,4	102,3	20,5
10	Chi sự nghiệp môi trường	3.473	3.473		1.837	1.837		52,9	52,9	
11	Chi khác ngân sách	2.334	2.334		902	902		38,6	38,6	
III	Dự phòng ngân sách	11.508	9.168	2.340	5.045	3.745	1.300	43,8	40,8	55,6
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỀ LẠI QUAN LÝ QUA NSNN	15.000	10.300	4.700	16.193	11.048	5.145	108,0	107,3	109,5

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Trong đó		Thực hiện đến 30/6/2017	Trong đó		So sánh TH/DT	Trong đó	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân cấp xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân cấp xã		NSH	NSX
1	Ghi thu - ghi chi học phí	2.800	2.800		1.845	1.845		65,9	65,9	
2	Các khoản đóng góp	11.200	7.500	3.700	13.583	9.203	4.380	121,3	122,7	118,4
3	Các khoản phí, lệ phí không cân đối	1.000	-	1.000	765		765	76,5	0,0	76,5

Ghi chú:

Tổng chi ngân sách huyện không bao gồm số chi chuyển giao ngân sách xã

Tổng chi chuyển giao ngân sách cấp huyện cho ngân sách các xã, thị trấn đến thời điểm báo cáo

61.778

/KH: 86.266